Giảng Ký Địa Tạng — Quyển Hạ — Phần 9

Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký (HT Tịnh Không)

tánh nếm để thưởng thức tánh của vị, [đó là] minh tâm kiến tánh. Chúng ta rất hèn tệ, sáu căn chúng ta tiếp xúc sáu cảnh giới bên ngoài đều là sáu thứ ô nhiễm, người ta khi sáu căn tiếp xúc sáu [cảnh giới] bên ngoài liền kiến tánh, do đó sau khi kiến tánh mới nói "nơi nơi đều là đạo, trái phải đều về nguồn", đó là việc đương nhiên vì những gì sáu căn tiếp xúc đến đều là chân như bổn tánh, kiến tánh thành Phật. Người kiến tánh là người như thế nào? Nói cho chư vị biết đó là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, cho nên chúng ta mới biết hai mươi lăm vị Bồ Tát trong kinh Lăng Nghiêm đều là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát. Đây là điều chúng ta thấy trong kinh Lăng Nghiêm, chương Hai Mươi Lăm Viên Thông. [Mỗi vị trong] hai mươi lăm vị Bồ Tát đều tự thuật mình dùng phương pháp gì để tu hành chứng quả, họ làm một đại biểu. Số hai mươi lăm này là hai mươi lăm loại lớn, số lượng trong mỗi loại rất nhiều, rất nhiều, tất cả tượng trưng cho tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, quy nạp vô lượng pháp môn thành hai mươi lăm loại, chẳng phải chỉ có hai mươi lăm pháp môn mà thôi, bạn phải hiểu đạo lý này. Hai mươi lăm vị này đều là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát, thân phận Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện trong hội giảng kinh Lăng Nghiêm là Sơ Trụ Bồ Tát; thị hiện trong kinh Hoa Nghiêm, tương lai chư vị đọc đến đoạn năm mươi ba lần tham vấn [sẽ biết], là Thất Hồi Hướng; trong phẩm Phổ Môn, kinh Pháp Hoa, địa vị của Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát, cho nên trong hội kinh nào Ngài sẽ thị hiện thân phận [thích hợp]. Ở đây chúng ta nói trở lại [vấn đề, chúng ta] phải bắt đầu từ đâu? Trên thực tế mỗi người chúng ta dùng sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, một niệm đầu tiên là tánh Thấy nhìn thấy, khi chúng ta vừa mở mắt nhìn cảnh giới bên ngoài, còn chưa khởi tâm động niệm, lúc còn chưa phân biệt chấp trước gọi là một niệm thứ nhất, một niệm này [là] Phật tri, Phật kiến, một niệm này là kiến tánh (tánh Thấy). Nhưng phàm phu không có khả năng duy trì, tới niệm thứ hai bèn khởi phân biệt chấp trước, niệm thứ hai bèn rơi vào trong Ý Thức, nếu bạn có thể duy trì một niệm thứ nhất thì không phải bạn đã thành Phật rồi sao? Chẳng có phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, mắt mở ra nhìn thấy rõ ràng, rành rẽ, lúc đó là tánh Thấy nhìn thấy sắc tánh, cái Thấy của bạn lúc đó mới chân thật, sắc bên ngoài cũng chân thật, chư vị biết đó là Nhất Chân pháp giới. Nhưng niệm thứ hai khởi lên thì đã có phân biệt, có chấp trước, có vọng tưởng; phân biệt, chấp trước khởi lên ngay lập tức. Từ chỗ này chúng ta hiểu được, khi sáu căn chư Phật, Bồ Tát tiếp xúc cảnh giới sáu trần rốt cuộc khác với chúng ta ở chỗ nào?

Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 173

Tại sao các Ngài [thấy] Nhất Chân pháp giới? Vì rời khỏi hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì thời gian, không gian là một chứ chẳng phải hai, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có mười phương, là cảnh giới như vậy. Lúc niệm thứ hai khởi lên thì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khởi lên bèn biến Nhất Chân pháp giới có vô lượng vô biên chướng ngại. Chẳng phải chỉ có mười pháp giới mà thôi, mười pháp giới là nói về những điểm khác nhau chính yếu, mười nói thật ra không phải là con số, mười tượng trưng cho vô tận, vô lượng, đạo lý là như vậy. Đại Thừa Phật pháp nói đến

tu hành, tu hành là tu quán, không phải chỉ có Tông Môn mới tu quán, Giáo Hạ cũng tu quán, [thường gọi là] Chỉ Quán. Do đó tu quán trong Phật pháp cũng là một tổng cương lãnh, thuật ngữ trong cửa Phật gọi là "Đại đà-ra-ni môn", là tổng cương lãnh. Không tu quán nên mới dạy bạn thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đới nghiệp vãng sanh, tu quán thì sẽ không đới nghiệp. Mỗi niệm của bạn đều thanh tịnh, bình đẳng, giác, đây là việc mà nhà Phật thường nói "một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng, niệm niệm Phật", tương ứng với gì? Với thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh thì không chấp trước, chẳng có chấp trước; bình đẳng thì không có phân biệt. Không phân biệt thì sẽ bình đẳng, không chấp trước thì sẽ thanh tịnh, chẳng có vọng tưởng thì sẽ giác. Thanh tịnh, bình đẳng, giác nghĩa là đoạn dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, có thể tương ứng với những điều này thì đương nhiên bạn đã thành Phật. Phật chính là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh, bình đẳng, giác chính là tự tánh của chúng ta. Do đó một niệm khởi lên thì sẽ hư hết, tốc độ của nó còn nhanh hơn ánh sáng, nhanh hơn điện không biết gấp bao nhiêu lần, nhanh chóng biến mất, biến đổi mau lẹ. Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì mới thực sự hiểu được câu đức Phật trong kinh Đại Thừa thường nói "Chúng sanh và Phật chẳng cách xa mảy may, chỉ ở tại một niệm mà thôi" 36. Cách nhìn của chúng ta, sự tiếp xúc của sáu căn và cảnh giới sáu trần của chúng ta là tiếp xúc sai lầm; sự tiếp xúc của chư Phật, Bồ Tát là tiếp xúc chính xác; các Ngài tiếp xúc đại giác, chúng ta tiếp xúc mê tà. Việc này đức Phật đã nói rõ ràng, nói rành rẽ rồi, chuyển biến là ở nơi chính mình, Phật, Bồ Tát chẳng có cách gì giúp chúng ta chuyển biến. Chúng ta biết cách chuyển biến, chịu chuyển biến thì Phật, Bồ Tát nhìn thấy hoan hỷ. Nếu chúng ta không biết chuyển biến, không chịu chuyển

36 (Sanh Phật bất cách hào đoan, tựu tại nhất niệm chi gian). Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 174

biến thì Phật, Bồ Tát cũng không làm sao được. Đây là nói về ý nghĩa của Thắng Quán của đức Phật Tỳ Bà Thi. Phần cuối trong chú giải trích dẫn một bài kệ trong Đại Trang Nghiêm Luận, trên hàng cuối của trang một trăm bốn mươi hai, chúng ta phải ghi nhớ bốn câu trong bài kệ này. "Vô bệnh đệ nhất lợi" (Chẳng có bệnh là lợi ích hạng nhất), lợi là lợi ích, lợi ích chân thật là gì? Là chẳng có bệnh. "Tri túc đệ nhất phú" (Biết đủ là giàu có hạng nhất), người thế gian theo đuổi giàu có, giàu có là gì? Biết đủ là giàu có. Thời xưa đức Phật và đệ tử chỉ có ba y, một bình bát, mỗi ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đó là giàu có nhất, [vì họ] biết đủ. "Thiện hữu đệ nhất thân" (Bạn tốt là người thân hạng nhất), chư Phật, Bồ Tát là bạn tốt của chúng ta. "Niết Bàn đệ nhất lạc" (Niết Bàn là niềm vui hạng nhất), phía trước có nói về Niết Bàn, pháp sư Huyền Trang dịch nghĩa chữ Niết Bàn rất hay, nghĩa là Viên Tịch, công đức viên mãn, thanh tịnh tịch diệt, đó là niềm vui hạng nhất. Hai câu cuối "Thử nãi thọ tức bất thọ, vô thọ tức thọ dã" (Đó là: thọ là không thọ, không thọ là thọ vậy), ý vị của hai câu này rất dài, ý nghĩa rất sâu sắc. Chúng ta hiểu đạo lý này, quả thật có thể quay về, có thể giác ngộ, có thể hết lòng nỗ lực học tập, đó là nói "Nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh, vĩnh bất đọa ác đạo", đương nhiên họ sẽ chẳng đọa ác đạo. "Thường sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc", thắng diệu lạc chính là những gì bốn câu kệ trên diễn tả, tuyệt đối chẳng phải

niềm vui của ngũ dục lục trần trong thế gian, chẳng phải niềm vui của tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, nếu bạn xem những thứ này là niềm vui thì sai lầm quá đỗi. Niềm vui (Lạc) này trong Phật pháp gọi là Hoại Khổ, chẳng phải chân lạc (niềm vui chân thật). Thắng diệu lạc là chân lạc, bài kệ nói trên chính là "thọ thắng diệu lạc", Ngài nói "thọ tức bất thọ, vô thọ tức thọ", như vậy mới thực sự là thắng diệu lạc, tương ứng với nhân hạnh Thắng Quán nói phía trên, thắng quán mới được thắng diệu lạc. Chúng ta xem tiếp vị thứ bảy:

Hựu ư quá khứ vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Bảo Thắng Như Lai, nhược hữu nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh tất cánh bất đọa ác đạo, thường tại thiên thượng thọ thắng diệu lạc.

Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 175

(Lại vô lượng vô số Hằng hà sa kiếp về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Thắng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này, thì sẽ không bao giờ bị đọa vào ác đạo, mà thường ở trên cõi trời, hưởng sự vui thù thắng vi diệu.)

Bảo Thắng Như Lai, Bảo nghĩa là trân bảo, người thế gian chúng ta coi trọng bảy thứ báu, đây là thất bảo thường được nói tới trong kinh Phật. Người xưa coi trọng, mong muốn có được; người hiện nay cũng coi trọng, cũng hy vọng có được. Vật báu tượng trưng cho sự giàu có của bạn, có thể làm cho đời sống vật chất của bạn được phong phú, chẳng thiếu thốn. Trong Phật pháp cũng có vật báu. Đối với chữ Bảo ở đây, trong sách chú giải nói đến bốn thứ báu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, đó là bốn thứ báu xuất thế gian, và cũng là những món báu mọi người đều hy vọng đạt được. Đây là cách dùng vật chất làm tỷ dụ để nói. Trên thực tế thì nên nói Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng. Trong Tam Bảo mới có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Rời khỏi Tam Bảo thì đi đâu tìm được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh? Tìm không ra. Tam Bảo, mọi người đều biết Phật, Pháp, Tăng, nhưng người biết rõ ý nghĩa thực sự của Tam Bảo không nhiều, cho nên chúng ta thấy rất nhiều người quy y Tam Bảo, có phải họ thực sự đã quy y hay không? Họ chẳng có quy y, chỉ làm một hình thức, hình thức ấy trống rỗng, là giả, chỉ là hình thức, chẳng có thật chất. Tại sao? Vì họ chẳng hiểu ý nghĩa của Tam Bảo, chẳng rõ Tam Bảo, cho nên họ cũng chẳng được Tam Bảo. Người đã thọ giới đều biết Giới có Giới Thể, họ chẳng được Giới Thể. Tam quy cũng là giới, cùng một ý nghĩa, họ chẳng được Giới Thể. Giới Thể là gì? Là Tự Tánh. Lục Tổ đại sư Huệ Năng trong Đàn Kinh giảng về Tam Bảo rất hay: Phật Bảo là Tự Tánh Giác, Pháp Bảo là Tự Tánh Chánh, Tăng Bảo là Tự Tánh Tịnh. Lúc chúng ta thọ tam quy có đạt được Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh hay không? Nếu lúc bạn thọ Tam Quy đạt được thì bạn đã quy y thực sự, quy y nói trong kinh là việc này, chẳng phải là nói trên hình thức. Quy nghĩa là quay về, từ chỗ nào quay về? Từ chỗ mê, tà, nhiễm lúc trước. Y là gì? Nương theo Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh, đó là thực sự quy y, một niệm này đã quay về, đó thực sự là đệ tử Phật. Nếu chẳng xả bỏ mê, tà, nhiễm, chẳng nương theo Giác, Chánh, Tịnh thì sự quy y đó là mạo danh, nói dễ nghe một chút, như tông Thiên Thai nói trong Lục Tức, đây là Danh Tự Quy Y. Danh Tự Quy Y nghĩa là gì? Có

danh không thật, một chút tác dụng gì cũng chẳng có. Muốn thực sự có thể hữu dụng, mức tối thiểu bạn cũng phải là Quán Hạnh Quy Y, nếu

Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 176

chúng ta tu học không thể khế nhập vào địa vị Quán Hạnh, chỉ ở địa vị Danh Tự thì sẽ luống uổng. Nói thật ra địa vị Danh Tự rất dễ tạo tội nghiệp, rất dễ đọa ba đường ác; khi đến địa vị Quán Hạnh, khi công phu quán hạnh được đắc lực thì có thể được phước báo nhân thiên, sẽ chẳng đọa tam đồ. Nếu vào địa vị Tương Tự thì bạn sẽ thành công, trên Bồ Tát đạo bạn tu hành chứng quả rồi. Tương Tự vị là quả vị gì? Nếu dùng quả vị nói trong kinh Hoa Nghiêm, địa vị Tương Tự chính là Thập Tín Bồ Tát, bạn đã chuyển phàm thành thánh. Phần chứng tam quy tức là quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên. Công đức quy y không thể nghĩ bàn, bạn phải thực sự quy y, trong kinh Phật nói bạn chân chánh quy y thì có ba mươi sáu vị thần hộ pháp ngày đêm hộ vệ bạn, đây là việc đương nhiên. Tại sao họ phải bảo hộ bạn? Vì tôn kính bạn, khâm phục bạn, ngưỡng mộ bạn, chẳng phải có ai phái họ đến bảo hộ bạn mà họ tự động bảo hộ bạn. Đó mới gọi là Tam Bảo. Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh mới là Tam Bảo, đây là tổng nguyên tắc, tổng cương lãnh để tu hành chứng quả trong nhà Phật. Vừa vào cửa Phật, vào lớp đầu tiên liền truyền thọ tổng cương lãnh của việc tu hành chứng quả cho bạn, đó gọi là truyền thọ Tam Quy, làm cho bạn trong đời này, đời đời kiếp kiếp đều hướng về phương hướng này, nỗ lực tiến đến mục tiêu này, bạn mới có thể thành Bồ Tát, thành Phật. Nền giáo học trong Phật pháp thực sự là tốt đẹp đến cùng cực! Chân thật viên mãn, vừa mở đầu liền chỉ rõ ràng, chỉ rành rẽ con đường này. Nhưng hiện nay [việc quy y] chúng ta thường thấy là quy y một vị pháp sư nào đó, như vậy là hỏng hết. Thói tệ quy y một pháp sư nào đó đã bắt đầu từ lâu rồi, trong trước tác của đại sư Ngẫu Ích chúng ta thấy được. Đại sư Ngẫu Ích là người cuối triều Minh, lúc đó Ngài đã nêu ra sự hiểu lầm của việc quy y. Cho nên có thể biết vào thời đại đó, cách chúng ta năm trăm năm, năm trăm năm trước đã có việc quy y một pháp sư nào đó rồi, chẳng phải quy y Tam Bảo. “Đây là sư phụ của tôi, vị kia không phải sư phụ của tôi”, nghĩ như vậy là phá hòa hợp tăng. Tăng đoàn là một gia đình hòa hợp, những đệ tử quy y trong đó có phân biệt, chấp trước đây là sư phụ của tôi, đây là đạo tràng của sư phụ tôi nên tôi phải ủng hộ, còn kia chẳng phải nên tôi bài xích, làm vậy là đã phá hòa hợp tăng. Mọi người đều biết việc phá hòa hợp tăng là tạo tội nghiệp đọa Vô Gián địa ngục; nói cách khác khi bạn chưa quy y thì còn chưa tạo tội nghiệp, sau khi quy y lại tạo nên tội nghiệp này, đến cuối cùng quy đến chỗ nào? Quy đến A Tỳ địa ngục, như vậy có oan uổng không? Sai lầm quá đỗi.

Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 177

Tại sao lại sanh ra sự sai lầm này? Do một niệm mê tình, một niệm tự tư, tạo thành sai lầm to lớn này. Sự sai lầm này từ từ lan rộng ra, làm cho nhiều người đối với ý nghĩa chân chánh của sự quy y mê mất, không những có ảnh hưởng rộng lớn, mà thời gian ảnh hưởng cũng dài, từng đời truyền mãi về sau, chúng ta cứ tưởng như vậy là đúng, ai có thể phát hiện được sự sai lầm này? Nếu chúng ta không đọc Lục Tổ Đàn Kinh, nếu không đọc những trước tác của đại sư Ngẫu Ích thì làm sao chúng ta biết được? Đàn

Kinh khơi gợi cho chúng ta, khi Lục Tổ truyền quy y, Ngài chẳng nói “Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng”, Ngài chẳng giải thích như vậy. Ngài nói “Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh”. Năm xưa lúc tôi đọc kinh này đã đem lại sự khơi gợi rất lớn cho tôi, tại sao Ngài lại nói như vậy? Ngài là người đời Đường, cách chúng ta hơn một ngàn ba trăm năm, chắc chắn lúc đó mọi người đã hiểu lầm Tam Bảo, mê trong Phật, Pháp, Tăng, chẳng biết ý nghĩa thực sự của Phật, Pháp, Tăng, cho nên Ngài mới nói “Quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh”, sau đó nói “Phật nghĩa là Giác, Pháp nghĩa là Chánh, Tăng nghĩa là Tịnh” Ngài nói như vậy. Ngài nói như vậy là vì người thời đó chắn chắn đã hiểu sai ý nghĩa chân chánh của Phật, Pháp, Tăng rồi cho nên Huệ Năng đại sư truyền thọ Tam Quy mới dùng cách nói [như trên], nhằm thức tỉnh mọi người, việc này rất có lý. Muốn tu hành chứng quả trong nhà Phật, việc thứ nhất là phải xả bỏ cái Tôi, xả bỏ cái Tư, bạn chấp trước có một cái Tôi, tất cả đều vì Tôi, chấp trước có một ý niệm [riêng] Tư, thì đó là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, chẳng phải là Phật pháp. Phật có nghĩa là Giác, Phật pháp là pháp giác ngộ, khi bạn có một niệm riêng tư xen lẫn trong ấy, đó là Mê pháp, là pháp mê hoặc điên đảo, chẳng phải là Phật pháp. Ngày nay chúng ta coi pháp Mê Nhiễm thành Phật pháp thì bạn tu học trong Phật pháp có thành tựu gì không? Chúng ta không thể không biết đạo lý này. Do đó Giác, Chánh, Tịnh là của báu, là của báu thù thắng nhất trong các của báu, Tam Bảo thuộc về tự tánh, chẳng ở bên ngoài, cũng chẳng ở tại người khác. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng dạy chúng ta phải quy y Ngài, thời xưa dạy chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, chẳng có nói quy y Ngài, mọi người đều hiểu Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh là Tam Bảo, gọi là Tự Tánh Tam Bảo. Nhưng đối với Hình Tướng Tam Bảo chúng ta cũng phải tôn trọng, tại sao vậy? Nếu chẳng có Hình Tướng Tam Bảo thì làm sao bạn biết Tự Tánh Tam Bảo, nhất định phải dùng Hình Tướng Tam Bảo thường thường khơi gợi bạn, hướng dẫn bạn, làm cho bạn luôn

luôn hướng về Tự Tánh Tam Bảo, do đó hình tướng có thể khởi tác dụng lớn như vậy. Chúng ta nhìn thấy tượng Phật, nghe đến danh hiệu Phật lập tức liền quay trở về Tự Tánh Giác; khi nhìn thấy kinh sách, thấy Pháp bảo liền quay về Tự Tánh Chánh; khi nhìn thấy hình tượng người xuất gia thì liền biết quay về Tự Tánh Tịnh, do đó công đức của hình tướng là vô lượng vô biên. Hình tướng thức tỉnh chúng ta từng giờ, từng phút, nếu không có những hình tướng ấy thì rất dễ quên, [một khi quên thì sẽ] mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp, và phải chịu khổ báo tiếp tục, đó mới là chân chánh Tam Bảo, chân thật Tam Bảo. “Nếu có kẻ nam người nữ nghe được danh hiệu Phật”, nghe danh hiệu tức là quy y, nghe danh liền quay về, nhất định sẽ không đọa ác đạo. Hành vi của họ có thể tương ứng với Tự Tánh Giác, Chánh, Tịnh thì làm sao họ đọa ác đạo được? Cho dù đã tạo nhân ác đạo, nhưng đã đoạn dứt duyên của ác đạo nên sẽ không đọa ác đạo nữa. “Thường ở tại cõi trời hưởng thụ niềm vui thù thắng vi diệu”, câu này có cùng ý nghĩa với câu “thường sanh nhân thiên, thọ thắng diệu lạc” phía trên. Xin xem tiếp vị thứ tám:

Hựu ư quá khứ hữu Phật xuất thế, hiệu Bảo Tướng Như Lai. Nhược hữu nam tử nữ nhân văn thị Phật danh, sanh cung kính tâm, thị nhân bất cửu đắc A La Hán quả. (Lại về thuở quá khứ, có đức Phật
ra đời hiệu là Bảo Tướng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này bèn sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu sẽ đắc quả A La Hán.)

Phía trước có đức Phật Bảo Thắng, ở đây nói đức Phật Bảo Tướng, ý nghĩa của Bảo Thắng rộng, Bảo Tướng hoàn toàn từ hình tướng mà nói. Nhưng khi nói tới Tướng, chúng ta liền nghĩ đến Tánh, tại sao? Tướng là tánh biến hiện ra, tánh là chủ tể năng hiện năng biến, tướng là cái được hiện, được biến. Chúng ta từ chỗ cạn cợt nhất để nói, đức Phật có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Nghe đến danh hiệu Phật chúng ta có thể hiểu đến Bảo Tướng. Bảo tướng của Phật từ đâu tới? Do tu nhân nên có được quả báo này. Người người ai cũng hy vọng có tướng tốt, đều hy vọng tướng mạo trang nghiêm, tốt đẹp, phải biết đây là quả báo. Dung mạo là quả báo, thể chất cũng là quả báo, thân thể bạn khỏe mạnh, sống lâu là quả báo, dung mạo tốt xấu cũng là quả

báo. Tu nhân gì thì được quả đó, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều thuộc về quả, tu nhân gì [mới được quả như vậy]? cư sĩ Giang Vị Nông trong Kim Cang Kinh Giảng Ký trích dẫn một số kinh điển, [chúng ta] có thể tham khảo. Nếu bạn tìm trong nguyên văn của bản kinh này, hay tra Đại Tạng Kinh thì quá phiền phức. Kim Cang Kinh Giảng Ký rất phổ biến, ai nấy đều có, chư vị hãy coi thử. Thí dụ tướng lưỡi rộng dài của đức Phật là một tướng tốt, phải tu nhân gì mới được? Đời đời kiếp kiếp chẳng nói dối. Cho nên nếu bạn thực sự tu nhân thiện thì bạn mới được quả báo thiện, được bảo tướng thiện; nếu không tu nhân thiện thì tướng mạo của bạn sẽ không viên mãn. Trên thế gian này cũng có một số người có tướng tốt, tướng có phước, bạn hãy quan sát kỹ lưỡng, họ có phước tướng, bảo tướng, trong bảo tướng có chân, có thiện, có mỹ; trong phước tướng có mỹ chứ chẳng có chân, chẳng có thiện. Cho nên khi tiếp xúc với những người này, hiện nay chúng ta gọi là từ trường, lúc bạn tiếp xúc với họ, từ trường ấy sẽ không thoải mái, sẽ không vui vẻ cho lắm, đó là vì họ chỉ có mỹ, chứ chẳng có chân, chẳng có thiện. Nếu chúng ta tiếp xúc với một người tu hành, họ chẳng có địa vị, chẳng giàu sang, chẳng có nhiều của cải, họ chỉ là một người rất bình thường, rất bình dân, họ cũng chẳng đẹp, nhưng họ có chân tâm, họ lương thiện, lúc chúng ta tiếp xúc với họ, từ trường đó sẽ khác, cảm thấy rất thoải mái, đó gọi là bảo tướng, quý vị hãy thí nghiệm thì dần dần sẽ hiểu. Chúng ta đọc đến danh hiệu Bảo Tướng Như Lai này, lập tức phải biết tu nhân chứng quả, tức là tiêu biểu cho sự trồng thiện nhân được thiện quả, tiêu biểu cho ý nghĩa này. Bạn nghe danh hiệu này liền có thể đoạn ác tu thiện, ác tức là phiền não tập khí, bạn có thể đoạn Kiến Tư phiền não, có thể đoạn thập ác, có thể tu thập thiện, đây là nền tảng cho bạn tu hành chứng quả. Phần cuối của đoạn kinh nói “Nếu có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của Đức Phật này bèn sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu sẽ đắc quả A La Hán”. Trong chú giải có một đoạn chúng ta hãy đọc thử, trang một trăm bốn mươi bốn đếm ngược lại hàng thứ hai, coi từ câu cuối cùng. Ngài nói “Đem quả vị trong Tạng Giáo so sánh với quả vị trong

Viên giáo”37, Tạng Giáo là Tiểu Thừa, Viên Giáo là Đại Thừa viên mãn, so sánh những vị thứ, đoạn chứng của họ được quả vị Sơ Tín đến Thất Tín, đây là quả vị Viên Giáo, Viên Giáo

37 “Kim ước Tạng Giáo dĩ đối Viên Vị” Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 180

Sơ Tín Bồ Tát đến Thất Tín Bồ Tát. “Đã tùy ý đoạn dứt hết Tam Giới Kiến Tư [phiền não], tương đương với Tứ Quả A La Hán trong Tạng Giáo”38. Từ đó có thể biết trong đoạn kinh này nói đắc A La Hán quả, chẳng phải thực sự là A La Hán Tiểu Thừa, mà là gì? Là quả vị Đại Thừa Sơ Tín đến Thất Tín Bồ Tát, ý nghĩa là ở chỗ này. Vì Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh là kinh Đại Thừa, chẳng phải kinh Tiểu Thừa, tại sao lại chứng quả vị Tiểu Thừa? Là dùng quả vị Tiểu Thừa để thí dụ thứ lớp đoạn phiền não của họ, đã đoạn Kiến Tư phiền não thì mới có thể đạt được Bảo Tướng trang nghiêm. Cho nên chúng ta nhìn người, tâm họ thanh tịnh thì họ có tướng thanh tịnh, tâm họ từ bi thì họ có tướng từ bi. Nếu họ rất hung ác thì họ có tướng hung ác, bạn hãy quan sát kỹ lưỡng, đúng như câu nói “sự chân thành ở bên trong, hiển rõ bên ngoài”, tướng mạo chính là sự biểu hiện của tâm lý, tánh tình của bạn, từ tướng trạng có thể biết tâm lý, tư tưởng của một con người, biết được cá tính của bạn. Do đó đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức là tu nhân chứng quả. Đoạn sau nói về vị thứ chín:

Hựu ư quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, hữu Phật xuất thế, hiệu Ca Sa Tràng Như Lai. Nhược hữu nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh giả siêu nhất bách đại kiếp sanh tử chi tội. (Lại vô lượng vô số kiếp
về thuở quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Ca Sa Tràng Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này, thì sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp.)

Đây là Ca Sa Tràng Như Lai, Ca Sa nghĩa là gì? Trong chú giải nói “Ở đây, hồng danh của đức Phật được lập bằng cách nêu bày cái tướng trên phương diện trang nghiêm để phô bày rõ rệt tánh đức của Ngài”39, sau đó trích dẫn Tâm Địa Quán Kinh nói Ca Sa tức là tướng bảo tràng của Như Lai. Trước hết phải hiểu ý nghĩa của Ca Sa, Ca Sa là tiếng Phạn, đó chẳng phải là một cái đơn thuần, mà là một cái hỗn tạp, phàm

38 “Tam Giới Kiến Tư nhậm vận đoạn tận, dữ Tạng Giáo đệ Tứ Quả A La Hán tề” 39 “Thử ước trang nghiêm tiêu tướng, dĩ chương Phật đức hồng danh” Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 181

những gì hỗn tạp đều gọi là Ca Sa. Cho nên khi trì bát40, bát cơm đó gọi là Ca Sa Phạn, tại sao vậy? Cơm và thức ăn của nhiều nhà cúng dường đều trộn lẫn trong đó. Y của chúng ta tại sao được gọi là Ca Sa? Rất nhiều màu sắc trộn lẫn nhau rồi được nhuộm, nên màu đó không phải là màu chánh. Màu chánh là năm màu đỏ, vàng, lam, trắng, đen, màu đen cũng là màu chánh. Đệ tử Phật không mặc áo màu chánh, y này gọi là Y Ca Sa, năm thứ màu sắc trộn lẫn nhau rồi nhuộm thành màu này nên gọi là Ca Sa, Ca Sa là nói từ phương diện màu sắc. Thời quá khứ, nói tới vật liệu làm y của Phật cũng lấy từ vật liệu hỗn tạp. Thời xưa xin được một chén cơm thì dễ, mọi người cúng dường

dễ dàng. Thời xưa vật chất, tài nguyên thiếu thốn, vải đều phải dệt bằng tay, cho nên có được một chiếc áo tương đối chẳng dễ. Làm sao mới có được một chiếc Y? Quần áo của những người tại gia đã cũ, đã rách, đã bỏ đi, chẳng dùng được nữa, người xuất gia lượm những áo rách này. Nhưng chư vị phải biết, áo người Ấn Độ là cả một miếng vải lớn quấn trên mình, khi họ mặc cũ rồi, rách rồi, bỏ đi, xong người xuất gia lượm về, trong đó có những chỗ còn dùng được, cắt bỏ đi những chỗ rách, cứ như vậy cắt những khúc vải lành từ nhiều miếng áo rách rồi ghép những miếng vải này thành một chiếc y, do đó y này cũng gọi là Ca Sa. Vì các khúc vải khác nhau, màu sắc khác nhau cho nên sau khi ghép lại nhuộm màu thành y Ca Sa. Từ đây có thể biết ý nghĩa thực sự của Ca Sa là tùy duyên chứ chẳng chấp tướng, quần áo, ăn uống, chỗ ở đều tùy duyên, tuyệt đối chẳng kén chọn. Lúc đức Phật còn tại thế, quần áo, thức ăn, chỗ ở trong sinh hoạt thường ngày đều vô tâm, vô tâm tức là không có tâm phân biệt, không có tâm chấp trước, mọi người cúng dường cái gì cũng được, hết thảy đều dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng để đối xử, như vậy mới đúng. Tràng có nghĩa là cao hiển (rõ rệt), đây là thể hiện ý nghĩa về mặt pháp. Thái độ trong sinh hoạt của nhà Phật, nói rõ với hết thảy chúng sanh trong thế gian, đây là tự hành dạy người, dạy mọi người trong sinh hoạt đừng nên chấp trước quá mức, đừng nên tham muốn, hưởng thụ quá mức, khi bạn có thể hết thảy đều tùy duyên thì tâm bạn sẽ thanh tịnh, vô cùng tự tại, trong đó thực sự sung sướng. Nếu đòi hỏi yêu cầu quá mức thì sẽ khổ lắm, đời sống của họ sẽ là đời sống rất khổ, dù giàu sang cũng

40 “trì bát” còn gọi là “thác bát” nghĩa là ôm bình bát đi khất thực. “Bát” (patta, phiên âm là Bát đa la, dịch nghĩa là ứng lượng khí (dụng cụ chứa đựng vừa đủ). Ngày xưa các vị tăng đi khất thực chỉ được đi tới bảy nhà mà thôi, nếu đi hết bảy nhà mà vẫn chưa đủ thì phải trở về. Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 182

là khổ. Cho nên người biết đủ, hết thảy đều không yêu cầu đòi hỏi, hết thảy đều tùy duyên, dù nghèo hèn thì họ cũng vui sướng, đời sống của họ sẽ là đời sống sung sướng. Từ điểm này có thể biết khổ hay vui đều ở tại một niệm, hết thảy đều tùy duyên thì làm sao không tự tại? Làm sao không vui sướng? Cho nên dụng ý của chiếc Ca Sa này rất sâu sắc. Nhưng hiện nay dù [một vị xuất gia] đắp Ca Sa đi khắp mọi nẻo đường người ta cũng không biết, không hiểu ý nghĩa này, người đời xưa hiểu được, vừa nhìn thấy Ca Sa thì họ liền giác ngộ, họ có thể đè nén hết thảy tâm tham nhiễm trong thế gian, đều có thể đè nén xuống. Người hiện nay không biết, không hiểu, đây là vì Phật pháp được hoằng dương quá ít, người thế gian hiểu lầm rất lớn đối với Phật pháp. Việc này chính là việc mà đệ tử Phật trong thời đại ngày nay phải nên nỗ lực, tận hết tâm lực để tuyên dương Phật pháp, làm cho xã hội đại chúng đối với nền giáo dục của đức Phật có một sự thấu hiểu chính xác, khẳng định trở lại, đây là bổn phận, công tác của chúng ta. Khi chúng ta làm hoàn hảo việc này thì cuộc đời của chúng ta mới có ý nghĩa, mới có giá trị. Cho nên công đức “nghe đến danh hiệu của đức Phật này thì sẽ siêu thoát tội sanh tử trong một trăm đại kiếp”, trong đó bao hàm ý nghĩa tự hành hóa tha, công đức vô lượng. Vị Phật sau cùng:

Hựu ư quá khứ hữu Phật xuất thế, hiệu Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Nhược hữu nam tử nữ nhân, văn thị Phật danh giả thị nhân đắc ngộ Hằng hà sa Phật, quảng vi thuyết pháp tất thành Bồ Đề.
(Lại về thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Sơn Vương Như Lai. Như có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này, thì người ấy sẽ được gặp Hằng hà sa chư Phật quảng thuyết giáo pháp cho và tất thành Đạo Bồ Đề.)

Sơn Vương tức là núi Tu Di, trong một thế giới, một vùng, núi Tu Di được gọi là Diệu Cao Sơn, Tu Di là tiếng Phạn, ngọn núi cao nhất trong vùng đó được gọi là núi Tu Di, núi Tu Di của vùng đó. Ở thế gian này, núi cao nhất trong thế giới này được gọi là núi Tu Di. Thế nên Tu Di chẳng phải chỉ một núi nào cố định, phải coi phạm vi của nó. Nếu nói về thế giới Sa Bà, núi Tu Di ở thế giới Sa Bà rất cao, đó là núi cao nhất trong thế giới Sa Bà. Thông thường thì địa cầu chúng ta gọi là châu Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 33 183

Diêm Phù Đề, ngọn núi cao nhất trên địa cầu là núi Tu Di của châu Diêm Phù Đề. Sơn Vương là chỉ ngọn núi cao nhất. Đại Thông hình dung sơn vương, vị sơn vương này cao lớn, “thông” là thí dụ, nếu từ ý nghĩa tiêu biểu pháp mà nói về “đại” và “thông”, trang một trăm bốn mươi sáu trong cuốn chú giải, từ giữa hàng thứ ba có nói “Đại Thông là nhân Bát Nhã, Sơn Vương là quả báo thân, bốn trí cứu cánh trang nghiêm”, đây là nói từ sự tiêu biểu pháp. Trong kinh đức Phật nói núi Tu Di do bốn thứ báu hợp thành, dùng tứ bảo ví cho tứ trí, tứ trí là Đại Viên Cảnh Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí. Tứ trí hợp thành Bát Nhã, ý tứ này đã tỏ rõ “chuyển tám thức thành bốn trí” rất rõ ràng, bốn trí là núi Tu Di, bốn trí ấy vừa Đại vừa Thông, vừa Vô Chướng Ngại. Thành tựu bốn trí Bồ Đề ấy thì bốn trí Bồ Đề chính là Bát Nhã Ba La Mật Đa. Sơn Vương là quả báo, ví cho báo thân của Phật, chúng ta hiểu ba thân của Phật tức là một thân, một thân cũng tức là ba thân. Kinh Hoa Nghiêm nói Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân là một, một mà là ba, ba mà là một, ý tứ này rất sâu rất rộng. Từ đó có thể biết đức hiệu của một vị Phật nói về sự tu nhân chứng quả, nhân là tu tứ trí, quả nhất định sẽ là chứng Báo Thân. Vì Báo Thân Phật là do trí huệ thành tựu, Pháp Thân là tự tánh vốn có đủ, Báo Thân là do trí huệ tu thành, cho nên “nếu có người nam người nữ nào nghe đến danh hiệu của đức Phật này”, thì sẽ “được gặp Hằng hà sa chư Phật, quảng thuyết giáo pháp cho”, tương ứng với ý nghĩa này. Hôm nay đã hết giờ, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 34 (Số 14-12-34)

Xin mở cuốn Khoa Chú quyển trung, trang một trăm bốn mươi sáu, xin xem kinh văn:

Hựu ư quá khứ hữu Tịnh Nguyệt Phật, Sơn Vương Phật, Trí Thắng Phật, Tịnh Danh Vương Phật, Trí Thành Tựu Phật, Vô Thượng Phật, Diệu Thanh Phật, Mãn Nguyệt Phật, Nguyệt Diện Phật, hữu như thị đẳng bất khả thuyết Phật.
(Lại về thuở quá khứ có đức Tịnh Nguyệt Phật, đức Sơn Vương Phật, đức Trí Thắng Phật, đức Tịnh Danh Vương Phật, đức Trí Thành Phẩm Thứ

Tựu Phật, đức Vô Thượng Phật, đức Diệu Thanh Phật, đức Mãn Nguyệt Phật, đức Nguyệt Diện Phật, và bất khả thuyết đức Phật như thế.)

Ở đây Địa Tạng Bồ Tát giới thiệu cho chúng ta mười vị Phật xong, lại nói tiếp chín vị. Sau cùng nói với chúng ta như lời Ngài nói về số những vị Phật này đều là vô lượng vô biên, chẳng thể bàn. Đây là để dạy cho chúng ta phải xưng niệm danh hiệu chư Phật, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Thông thường chúng ta chỉ khen ngợi riêng đức Phật A Di Đà, công đức của danh hiệu Di Đà chẳng thể nghĩ bàn, thật ra đức hiệu của mỗi vị Phật đều chẳng thể nghĩ bàn, chẳng khác gì đức Phật A Di Đà, đó mới thực sự làm nổi bật điều mà Phật pháp thường nói "pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp", cho nên xưng niệm bất cứ danh hiệu của một vị Phật nào đều có thành tựu như nhau. Thế Tôn trong những danh hiệu này, đặc biệt giới thiệu A Di Đà Phật cho chúng ta, nguyên nhân này là ở chỗ nào? Nhà Phật thường nói "Phật chẳng độ người vô duyên", tuy trên Lý là bình đẳng, nhưng trên Sự thì vẫn có sai khác, sai khác ở duyên phận, cũng giống như lời đại sư Thiện Đạo "đều vì gặp duyên sai khác", do đó sự thành tựu của chúng ta sẽ không giống nhau. Lại nữa, A Di Đà Phật có duyên phận đặc biệt với chúng ta, trong các Bồ Tát thì Quán Thế Âm Bồ Tát, trong các vị Phật thì đức Phật A Di Đà [là hai vị] có duyên phận sâu đậm phi thường đối với thế giới Sa Bà chúng ta. Có duyên phận vả lại có duyên rất sâu đậm thì cảm ứng sẽ rất nhanh, vô cùng nhanh chóng và sâu đậm, đây là nguyên nhân đức Thế Tôn đặc biệt giới thiệu cho chúng ta. Pháp sư Thanh Liên có chú giải danh hiệu của chín vị Phật này, chư vị có thể tham khảo. Nói tóm tắt Tịnh Nguyệt Phật, Tịnh nghĩa là thanh tịnh, Nguyệt là ánh trăng, ánh trăng thanh tịnh ban đêm, chẳng có ai không ưa thích, đặc biệt là hiện nay chúng ta gần đến Trung Thu, ánh trăng trung thu hiện ra đặc biệt thanh tịnh, giống như câu nói tiết Thu trong lành. Thí dụ như pháp thân Phật quang minh chiếu khắp, kinh Hoa Nghiêm nói danh hiệu của pháp thân Phật gọi là Tỳ Lô Giá Na, đây là Phạn ngữ, ý nghĩa là Biến Nhất Thiết Xứ (Biến trọn hết khắp mọi nơi), pháp thân đích thật là biến khắp hết thảy nơi chốn. Từ đó có thể biết tận hư không, trọn khắp pháp giới cùng một pháp thân, đây là như trong kinh luận thường nói "thập phương tam thế Phật, có cùng một pháp thân". Nếu bạn có thể hiểu rõ cùng một pháp thân thì sau đó mới biết trọn hư không, khắp pháp giới đều là chính mình, là một cái thể hoàn chỉnh, cảnh giới này trong Đại Thừa pháp gọi là Viên Mãn đại giác, họ

đích thật hiểu rõ, nhận biết hư không pháp giới đều là chính mình, thiên địa vạn vật đều là chính mình, là tướng phần của chính mình, pháp thân, pháp giới là bản thể của chính mình. Quang minh chiếu khắp chính là trí huệ chiếu khắp, tâm thức biến khắp rộng lớn, tác dụng rộng khắp, sau khi nhập vào cảnh giới này trong hư không pháp giới, trong pháp giới có quá khứ, có vị lai chẳng nơi nào không hiện thân, đều là tùy loại hiện thân, đạo lý là ở chỗ này. Chú giải chỗ này cũng rất hay, chú giải ghi "tùng chân tùy ứng" (từ Chân Thân "Pháp Thân" mà hiện ra Ứng Thân), chân là Pháp Thân, ứng tức là Báo Thân và Ứng Hóa Thân; chân thân chẳng có hình tướng, chẳng phải là

vật chất, Ứng Hóa Thân có hình tướng, Báo Thân cũng kể là Ứng Thân. Chúng ta nói phạm vi rộng thêm một chút, từ Thể khởi Dụng, Báo Thân là tự thọ dụng, cùng thọ dụng với Địa Thượng Bồ Tát, Ứng Hóa Thân là vì chúng sanh ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Phương tiện Hữu Dư Độ, là vì tha thọ dụng, cho nên Ứng Hóa Thân hoàn toàn là tha thọ dụng, chẳng phải là tự thọ dụng, tự thọ dụng là Báo Thân. Thế nhưng Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân là một mà ba, ba mà là một. Câu cuối nói rất hay đó là ba thân một thể, Tịnh Nguyệt thí dụ cho ba thân một thể. Vị thứ hai Sơn Vương Phật, Sơn Vương hình dung Báo Thân của Phật như núi lớn, vương nghĩa là lớn nhất, chúng ta thường gọi núi lớn nhất trong các núi là Tu Di Sơn Vương. Thông thường là nói về Báo Thân của Phật, trong kệ tán Phật chúng ta tán thán A Di Đà Phật "A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân", quý vị hãy nghĩ về cảnh giới này "Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di", bạn hãy nghĩ coi thân này bao lớn, Bạch Hào là hai sợi lông chính giữa hai chân mày quấn tròn vào nhau, bao lớn? Lớn bằng năm ngọn núi Tu Di vậy, bạn hãy nghĩ thân tướng của vị Phật này bao lớn? Địa cầu chúng ta chẳng dung chứa nổi, cho nên trong pháp tướng trang nghiêm của đức Phật thì địa cầu chỉ là một sợi lông mày mà thôi, đức Phật có thể hiện thân tướng lớn như vậy nên xưng là Sơn Vương Phật. Đây là lời tán thán Phật, cũng tỏ rõ thần thông, năng lực của Phật rất thù thắng, có thể hiện thân lớn như vậy. Vị thứ ba Trí Thắng Phật, Trí là hết thảy chủng trí. Trong Phật pháp có ba thứ trí, Nhất Thiết Trí, trong chú giải trích dẫn Đại Phẩm Bát Nhã, Tát Bà Nhã tức là Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Trí là trí huệ của người Nhị Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác chứng được. Nhất Thiết Trí là gì? Biết Không, vạn pháp đều là không. Người Tiểu Thừa hiểu đạo lý này, họ nhận biết được, do đó họ trụ ở Thiên Chân Niết Bàn, họ trụ

Không. Đây là Lý của hết thảy pháp, đó chẳng phải là Sự, mà là Lý. Lý là không. Chư vị nhất định phải hiểu rõ cái Không này chẳng phải là tánh Không, họ hiểu rõ lý của vạn sự vạn pháp là Không, hết thảy pháp đều do nhân duyên sanh khởi, trọn chẳng thể được, do đó người Nhị Thừa tâm địa rất thanh tịnh vì họ biết chân tướng của hết thảy pháp, chân tướng trên mặt Lý. Đạo Chủng Trí là Bồ Tát Trí, Đạo là lý luận, Chủng là chủng chủng (đủ mọi thứ), là nói trên mặt Sự, do đó Bồ Tát tiến bộ hơn Nhị Thừa rất nhiều. Lý Sự của người Nhị Thừa chẳng thể viên dung, cũng như trong kinh Hoa Nghiêm có nói, Lý Sự của họ có chướng ngại, Lý Sự có chướng ngại thì đương nhiên Sự Sự cũng có chướng ngại, họ trong cảnh giới này, Lý của người Nhị Thừa chẳng có chướng ngại, nhưng Lý hợp với Sự thì có chướng ngại. Trí huệ của Bồ Tát thì cao hơn, Lý và Sự đều có thể viên dung, có thể Lý Sự vô ngại. Trong pháp giới Tứ vô ngại họ đạt được ba thứ "Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại", đây là Đạo Chủng Trí, Chủng là chủng chủng (đủ mọi thứ). Nhất Thiết Chủng Trí, đã viên mãn chứng được hết "Tứ vô ngại", không những Lý Sự vô ngại, Sự Sự đều vô ngại, do đó mới gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. Nhất thiết tức là Nhất Thiết Trí nói ở trên, Chủng Trí tức là Đạo Chủng Trí mà Bồ Tát chứng được, Nhất Thiết Trí và Đạo Chủng Trí chẳng hai, có thể dung hòa với nhau nên gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. Nhất Thiết Chủng Trí là nơi Như Lai chứng được trên quả địa, Trí này rất thù thắng, vượt trội Nhị Thừa, Bồ Tát, cho nên xưng là Trí

Thắng Phật. Vị thứ tư Tịnh Danh Vương Phật, Tịnh là thanh tịnh, Vương là thí dụ tự tại. Thời xưa chỉ có nhà vua mới có thể phát ra hiệu lịnh, hết thảy nhân dân đều phải nghe theo, người phải nghe theo kẻ khác không được tự do, người phát ra mệnh lệnh tự do, cho nên xưng là Vương. Trong kinh Phật, chữ Vương có nghĩa là tự do, tự tại, có thể tự làm chủ. Tịnh Danh là thanh tịnh, đã đoạn phiền não, liễu thoát sanh tử nên được thanh tịnh. Siêu việt lục đạo luân hồi, siêu việt thập pháp giới. Trong kinh nói "ngũ trụ, nhị tử tịnh tận", viên mãn thanh tịnh; ngũ trụ là phiền não, nhị tử là hai thứ sanh tử, đó là "Phần Đoạn sanh tử, Biến Dị41 sanh tử". Phần Đoạn sanh tử là nói từ trên Tướng, nếu chúng ta nói một cách tổng quát, thô thiển một chút thì mọi người đều có thể hiểu, thân thể này của chúng ta từ khi sanh ra đến khi chết đi là một giai đoạn, giai đoạn này gọi là Phần Đoạn sanh tử, nói như vậy thì mọi người dễ hiểu.

41 Biến Dị nghĩa là thay đổi, biến đổi, đổi khác. Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 34 187

Thật ra Phần Đoạn sanh tử đâu phải chỉ nói về cả đời người, chư vị hãy suy nghĩ, cứ kể một năm là một giai đoạn, một năm trôi qua, một năm này kể như đã chết đi (tử), năm tới kể như sanh. Lại quán sát cặn kẽ hơn nữa, mỗi tháng đều có sanh tử, mỗi ngày đều có sanh tử, hiện tượng này thuộc về Phần Đoạn sanh tử. Phần Đoạn sanh tử nói đến cùng cực là sát- na sanh diệt, sát-na sanh diệt là Phần Đoạn sanh tử, đây là nói trên mặt Tướng. Biến Dị sanh tử chẳng nói từ Tướng, nói thật ra Biến Dị chẳng có sanh tử, vậy thì tại sao lại gọi là Biến Dị sanh tử? Biến Dị có khổ, sanh tử có nghĩa là khổ. Chúng ta dùng Pháp Thân đại sĩ của kinh Hoa Nghiêm để nói, họ đã hết Phần Đoạn sanh tử, giống những người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, ai nấy đều vô lượng thọ, người nào cũng được thân kim cang bất hoại, nhưng họ còn Biến Dị sanh tử. Từ đâu nhìn thấy có Biến Dị sanh tử? Bốn cõi, ba bậc, chín phẩm đều là Biến Dị. Bạn từ Hạ Phẩm chuyển lên Trung Phẩm, từ Trung Phẩm chuyển lên Thượng Phẩm, như vậy gọi là Biến Dị, cảnh giới của bạn không ngừng nâng cao lên. Hoa Tạng thế giới nói trong kinh Hoa Nghiêm, những Pháp Thân đại sĩ này chẳng còn Phần Đoạn sanh tử nhưng trong kinh có nói họ vẫn còn bốn mươi mốt địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác mỗi lần tăng lên một địa vị là một lần Biến Dị. Sự Biến Dị này đòi hỏi họ dụng công tu hành, sự tu hành đó gọi là sanh tử, tu rất khổ, họ phải tu hành, phải dụng công mới có thể nâng cao cảnh giới của mình, cho nên Biến Dị đích thật chẳng phải sanh tử. Vì họ phải nâng cao cảnh giới của họ nên họ phải hết lòng nỗ lực tu học, tu học là một việc khó nhọc, chúng ta thí dụ như sanh tử. Cho nên cả hai thứ sanh tử này đều đoạn dứt, đó là địa vị gì? Quả vị Như Lai, Phật quả trong Viên Giáo. Làm sao biết được? Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm Sanh Tướng Vô Minh chưa phá, cho nên vẫn còn một lần Biến Dị sanh tử, đến quả vị Như Lai thì hoàn toàn không còn nữa. Cho nên danh hiệu Tịnh Danh Vương Phật, chúng ta sẽ thấy đó lí quả vị Phật cứu cánh viên măn trong Viên Giáo mới xứng với danh hiệu này. Vị thứ năm Trí Thành Tựu Phật, ý nghĩa của danh hiệu này là đem lại lợi ích cho chúng sanh, giống như danh hiệu Tịnh Danh Vương Phật hoàn toàn xây dựng từ "tự lợi, đoạn phiền não, đoạn và chứng". Trí Thành Tựu là nói từ việc độ hóa chúng sanh. Trí là trí huệ, hai trí Quyền và Thật, trong kinh Bát Nhã nói đến Bát Nhã Vô Tri, Vô Tri là Căn Bản Trí, tại sao nói trí đó Vô Tri? Nó không khởi

tác dụng, chẳng có tác dụng. Chẳng khởi tác dụng thì tại sao gọi đó là Căn Bản Trí? Vô Tri

chính là Căn Bản Trí, Vô Tri chẳng có nghĩa là không có trí huệ, nếu thấy trong kinh nói Bát Nhã Vô Tri rồi cho rằng đó là hoàn toàn không có trí huệ thì bạn đã hiểu sai rồi. Vô Tri nghĩa là thực sự có trí huệ, trí huệ chẳng khởi tác dụng, là có ý nghĩa như vậy. Người đó đối với vạn sự vạn pháp Tánh, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả chẳng có gì là không rõ ràng, chẳng có gì là không hiểu rõ, nhưng cảnh giới của họ là "như như chẳng động", chúng ta thường gọi là không dấy khởi tâm niệm, không phân biệt, không chấp trước, trong trạng thái như vậy thì gọi là Vô Tri. Lúc họ khởi tác dụng, khởi tác dụng gì? Giáo hóa chúng sanh, giải đáp câu hỏi của chúng sanh, đến lúc đó mới tỏ rõ vô sở bất tri (chẳng có gì là không biết), cho nên vô sở bất tri gọi là Quyền Trí, trong Phật pháp thường gọi là thiện xảo phương tiện. Thiện xảo phương tiện thuộc về sự ứng dụng của trí huệ, lúc ứng dụng thì chẳng có gì là không biết, do đó vô sở bất tri chính là biểu hiện của Vô Tri, chúng ta phải hiểu rõ hai câu này trong kinh Bát Nhã, tuyệt đối không thể hiểu lầm. Cho nên Vô Tri là tự thọ dụng42, Vô Sở Bất Tri là tha thọ dụng (sự thọ dụng của kẻ khác). Chư Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới, trong sáu nẻo giáo hóa hết thảy chúng sanh, bất luận hiện thân tướng gì, điểm này chúng ta phải ghi nhớ, Phật chẳng có thân tướng, Pháp Thân chẳng có thân tướng, thân tướng đều là tùy loại mà hiện. Không những Ứng Hóa Thân là tùy loại mà hiện, Báo Thân cũng tùy loại mà hiện. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta nhìn thấy được Báo Thân Phật, Tỳ Lô Xá Na Phật. Ở Cực Lạc thế giới nhìn thấy A Di Đà Phật, Báo Thân cũng tùy loại mà hiện. Tỳ Lô Xá Na Phật ở tại Hoa Tạng thế giới, độ bốn mươi mốt vị Pháp Thân Đại Sĩ; A Di Đà Phật ở tại Tây Phương Cực Lạc thế giới độ những Bồ Tát ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, từ điểm này chúng ta có thể nhận biết Báo Thân cũng là tùy loại mà hiện, chữ loại ở đây là chỉ Pháp Thân Đại Sĩ. Đức Phật nói với chúng ta có vô lượng vô biên thế giới, chư Phật Như Lai vô lượng vô biên, từ danh hiệu Phật mà xem thì chúng ta biết được có nhiều Phật như vậy. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chuyên giới thiệu 42 Tự thọ dụng là nói về bản thể của trí ấy, tuy là "Vô tri" nhưng không phải là không hay biết gì, biết nhưng không chấp trước, không vướng mắc nên biết mà như không biết, tâm tánh vắng lặng, như như bất động. Đấy là bản thể thường hằng (thường được diễn tả bằng chữ Tịch) nên gọi là Tự Thọ Dụng. Từ bản thể Tịch ấy, không gì chẳng biết, tùy duyên biến hiện, nên gọi là Tha Thọ Dụng (cho người khác được hưởng dụng), chẳng hạn khi có người đến hỏi, từ Nhất Thiết Chủng Trí đức Phật sẽ trả lời không cần phải vận dụng suy nghĩ, chỉ là từ bản thể lưu lộ ra câu trả lời khiến cho người hỏi được hiểu đạo, phá mê khai ngộ nên người ấy được thọ dụng tác dụng huyền diệu nơi tự tánh của đức Phật, vì thế gọi là Tha Thọ Dụng. Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 34 189

danh hiệu của mười phương chư Phật cho chúng ta, chư vị có lẽ đã đọc qua kinh Vạn Phật Danh, Thế Tôn tùy tiện nói với chúng ta bèn nói ra trên một vạn hai ngàn danh hiệu Phật, danh hiệu của chư Phật trong hư không pháp giới nói chẳng hết, cho dù đức Phật Thích Ca Mâu Ni mỗi ngày nói với chúng ta, nói cả kiếp cũng nói chẳng hết. Nói rõ

Báo Thân của Phật không phải chỉ có một, tùy theo trạng huống khác biệt ở mỗi thế giới, vì Pháp Thân Đại Sĩ mà hiện. Nếu hiện cho những phàm phu ở Phương Tiện Độ, Đồng Cư Độ thì là Ứng Hóa Thân. Đây là Trí Thành Tựu Như Lai. Vô Thượng Phật, Vô Thượng là danh xưng tôn trọng đến cùng cực. Những lời ghi trong chú giải rất hay "Kẻ có cái để đoạn gọi là Hữu Thượng Sĩ, đã không có gì để đoạn thì gọi là Vô Thượng vậy"43, cách giải thích này rất viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát còn có sở đoạn, vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh để đoạn, nên gọi là Thượng Sĩ, không thể gọi là Vô Thượng, Ngài vẫn còn chỗ để đoạn. Đến quả vị Như Lai thì không còn gì để đoạn nữa, những gì phải đoạn đều đã đoạn sạch, chẳng còn chỗ để đoạn nên gọi là Vô Thượng, do đó Vô Thượng cũng là tôn xưng của quả vị Phật cứu cánh. Diệu Thanh Phật, Diệu Thanh là tán thán âm thanh của Phật vi diệu, viên mãn, "Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều được hiểu", đó gọi là vi diệu, âm thanh của Phật thuyết pháp vui tai nên gọi là mỹ diệu. Sự mỹ diệu, vi diệu này từ đâu mà có? Từ tâm tánh tự nhiên tuôn chảy ra, điểm này chúng ta phải hiểu, phải ghi nhớ, phải học tập. Tâm địa của bạn chân thành thì lời nói của bạn sẽ chân thành, tâm bạn thanh tịnh thì dung mạo, âm thanh của bạn sẽ thanh tịnh. Do đó có thể biết người xưa thường nói "lòng thành ở bên trong biểu lộ ra hình tướng bên ngoài"44, câu này là thật chẳng giả. Tâm của bạn vi diệu thì tướng mạo, âm thanh của bạn cũng vi diệu; tâm bạn chân thiện mỹ thì dung mạo, âm thanh bạn sẽ hiện ra chân, thiện, mỹ; âm thanh, dung mạo là biểu lộ bên ngoài, đó là tự tánh tỏ lộ, nếu bạn muốn có tướng tốt thì tâm của bạn phải tốt, nếu tâm không tốt mà muốn có tướng tốt, chẳng có đạo lý như vậy, có sửa đổi cách mấy cũng uổng công! Trong kinh đức Phật thường nói "tướng tùy tâm chuyển", không những thân thể, dung mạo chúng ta tùy tâm chuyển, mà núi sông, đại địa nơi chúng ta nương nhờ để sinh sống cũng chuyển theo tâm của mình. 43 "sở hữu đoạn giả danh hữu thượng sĩ, ký vô sở đoạn danh vô thượng hỹ". 44 thành ư trung nhi hình ư ngoại. Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 34 190

Cho nên tâm tốt thì không những tướng mạo tốt, tướng tốt là có phước, người đó có tướng phước đức, chỗ người đó ở cũng có phước, "phước địa thì người có phước ở, người có phước cư trú ở nơi phước địa"45, ngay cả đất cũng có phước nữa. Đất làm sao có phước? Đất cũng chuyển theo tâm. Nếu tâm tà vạy, ác độc thì tướng của người đó cũng tà ác, núi sông đại địa chỗ họ cư trú cũng tà ác, đạo lý này rất đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa. Rất nhiều người nói hiện nay địa cầu đã bị bệnh rồi, trạng thái sinh hoạt hoàn cảnh thay đổi quá lớn thì làm sao nó không bệnh cho được? Làm sao bất bình thường như vậy? Bạn hãy suy nghĩ về những đạo lý mà đức Phật đã dạy, tâm tánh con người chẳng bình thường. Đặc biệt là những năm gần đây, chúng ta thường đi du lịch khắp nơi trên thế giới, chúng ta tiếp xúc đến một số người, sự, vật, phát hiện tâm người chao động không yên, ngay cả một sự kích thích rất nhỏ cũng chẳng chịu nổi, vừa gặp một chuyện gì không hợp ý thì liền nổi giận, như vậy là chẳng bình thường. Do đó âm thanh, dung mạo, thể chất của họ có nhiều bệnh, chẳng bình thường. Lại ảnh hưởng tới hoàn cảnh cư trú của họ, hoàn cảnh cũng chẳng bình thường, chúng tôi đã báo cáo tường tận đạo lý của việc này cho quý vị ở đoạn trước. Dùng cách nói của các nhà khoa học thì nguyên lý của nó là làn sóng; tà tri, tà kiến, tà hạnh có làn sóng rất

xấu, những làn sóng này ảnh hưởng thế giới vật chất, ảnh hưởng đến sự thay đổi của địa cầu, thậm chí ảnh hưởng đến sự vận hành của địa cầu trong không gian, ảnh hưởng đến quỹ đạo, tốc độ, do đó sanh ra những biến hóa rất lớn trên địa cầu. Khoa học gia còn chưa phát hiện được những quan hệ liên đới này, nhưng trong kinh đức Phật đã nói rất rõ ràng, thấu suốt rồi, "tướng chuyển theo tâm, cảnh chuyển theo tâm". Ngày nay có nhiều người phát hiện trạng thái [địa cầu] bị tàn phá nghiêm trọng nên cực lực đề xướng gia tăng ý thức bảo vệ môi sinh, có thể thâu được kết quả hay không? Chúng ta hãy đứng ở một bên bình tĩnh quan sát, sẽ không thâu được kết quả. Nguyên nhân ở tại chỗ nào? Họ chỉ trị triệu chứng chứ không trị gốc bệnh, họ không biết sự biến đổi của hoàn cảnh tự nhiên, nguyên nhân căn bản là ở nơi tâm con người, họ chẳng biết điều này. Muốn thực sự làm việc bảo vệ môi sinh cho tốt đẹp, trước hết phải bảo vệ tâm thanh tịnh, tâm chân thành, từ bi của mình, như vậy mới có hiệu quả, mới là trị gốc bệnh. Trị cả gốc lẫn ngọn thì hiệu quả sẽ rất lớn, rất nhanh chóng; đáng tiếc là hiện nay các nhà khoa học không biết nguyên nhân căn bản. Đây là vì người hiện đại đam mê

khoa học kỹ thuật, đam mê kinh tế của cải, sanh ra cái nhìn sai lệch, tạo thành hiện tượng môi sinh bất bình thường. Nhưng đức Phật nói rất hay, trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp, nên chúng ta muốn cứu chính mình cũng còn biện pháp, tuy là cứu vãn chính mình cũng phải có tâm nguyện chân thành giúp đỡ người khác, phải làm thực sự, còn việc làm được bao nhiêu thì đừng quan tâm đến. Tai nạn bức bách ở trước mắt, chúng ta cũng phải noi gương những người có tâm từ bi sâu nặng thời xưa, đã biết rõ không thể làm được nhưng vẫn cứ làm. Chẳng lo lắng cho mình, phải vì hết thảy chúng sanh, vì lợi ích, hạnh phúc của chúng sanh, hy sinh tánh mạng của mình cũng chẳng tiếc. Chúng ta vừa nói về hai loại sanh tử đều chẳng phải thật, không thể tham sống sợ chết, dốc hết tâm sức phục vụ chúng sanh, tạo phước lợi cho chúng sanh, tự nhiên sẽ cảm được chư Phật Như Lai gia trì, chư Bồ Tát thiện thần ủng hộ, vấn đề là chúng ta có chịu phát tâm hay không? Nói thật ra, chẳng phải vì chúng ta có trí huệ, năng lực hay không, đó là thứ yếu, khi bạn có thể phát tâm chân thật, nếu trí huệ không đủ thì Phật, Bồ Tát sẽ gia trì, khả năng không đủ thì có một số thần hộ pháp sẽ giúp bạn. Nếu mọi người không tin, hãy nhìn cư sĩ Lý Mộc Nguyên ở Cư Sĩ Lâm thì sẽ hiểu rõ. Cư sĩ Lý là loại người này, không đủ trí huệ khả năng nhưng ông có thể phát tâm chân thật, ông được chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, được long thiên, thiện thần ủng hộ, nên mới có thể làm được "tâm tưởng sự thành". Nhà Phật thường nói "Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt có cảm ứng", ở đây chúng ta đã nhìn thấy. Tâm nguyện này của bạn là tâm thiện, chẳng tự tư, mà vì Phật pháp thường trụ nơi thế gian, vì giúp chúng sanh liễu sanh tử, vượt thoát tam giới, đắc độ thành Phật, tâm nguyện này chẳng khác [tâm nguyện] của chư Phật Như Lai, cho nên phát tâm nguyện này mới có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát, có cùng tâm cùng nguyện, đồng giải, đồng hạnh với chư Phật, Bồ Tát, thì tự nhiên [các Ngài] sẽ gia trì. Làn sóng của tâm bạn, nguyện của bạn, tư tưởng của bạn, tần số của làn sóng này giống như tần số sóng của chư Phật thì sẽ tiếp nối được, đây là đạo lý của việc Phật

lực gia trì, cho nên mới giúp bạn được tâm tưởng sự thành. Vị thứ tám là Mãn Nguyệt Phật, vị thứ chín là Nguyệt Diện Phật, ý nghĩa của chữ Nguyệt Diện và Mãn Nguyệt giống nhau, trong chú giải cũng nói đại ý hai vị Phật này giống nhau. Mãn Nguyệt, người Trung Quốc gọi là trăng ngày rằm, trong thiên văn gọi là Vọng, Sóc Vọng, trăng ngày rằm gọi là Mãn Nguyệt. Trong kinh Phật chúng ta thường thấy, trong kệ tán Phật có câu “Gương mặt Phật thanh tịnh như trăng

Phẩm Thứ Chín: Xưng Danh Hiệu Chư Phật - Tập 34 192

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.